|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: 532/BC-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập -Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2020* |

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 24/2016/QH14**

**về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020**

*(Báo cáo phục vụ kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: Quốc hội.

Ngày 08/11/2016, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2016/QH14về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 24).Nghị quyết số 24 đề ra 22 mục tiêu cụ thể về cơ cấu lại nền kinh tế đến năm 2020 và 5 nhóm nhiệm vụ. Thực hiện Nghị quyết 24 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27 với 16 nhóm nhiệm vụ lớn được cụ thể hóa bằng 108 nhiệm vụ chi tiết. Đến 2020, hầu hết các nhiệm vụ đã được triển khai và có kết quả. Đặc biệt, việc hoàn thiện thể chế liên quan đến cơ cấu lại nền kinh tế được thúc đẩy tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện. Giai đoạn 2016-2020, khoảng 234 văn bản các loại đã được soạn thảo và ban hành, trong đó đã trình Quốc hội thông qua 26 Luật. Sau gần 5 năm triển khai thực hiện, Chính phủkínhtrình Quốc hội Báo cáođánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24/2016/QH14 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, với nội dung chính như sau:

**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 24 của Quốc hội**

Đến năm 2020, dự kiến 15trong số 22 mục tiêu được giao tại Nghị quyết số 24 hoàn thành và có khả năng hoàn thành (chiếm gần 68,2%). Trong đó, 5 mục tiêu quan trọng đã hoàn thành vượt xa so với kế hoạch đề ra, góp phần tạo được bước tiến thực chất trong cơ cấu lại nền kinh tế của giai đoạn 2016-2020.[[1]](#footnote-2)

Trong số 7 mục tiêu có khả năng không hoàn thành, hai mục tiêu về bội chi ngân sách nhà nước và tỷ lệ nợ xấu đều được đánh giá có khả năng hoàn thành vào cuối năm 2019 nhưng do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 nên có thể không hoàn thành trong năm 2020.[[2]](#footnote-3) Mục tiêu về nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công đạt mức chất lượng tiếp cận 04 nước ASEAN phát triển nhất (ASEAN-4) đã bước đầu triển khai thực hiện nhưng do ưu tiên triển khai các mục tiêu cấp bách khác trong cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 nên mục tiêu này sẽ được tập trung triển khai trong giai đoạn 2021-2025[[3]](#footnote-4).Hai mục tiêu liên quan đến cơ cấu lại DNNN có khả năng không hoàn thành do cả nguyên nhân chủ quan từ trách nhiệm người đứng đầu đến các nguyên nhân khách quan như: nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh (như phê duyệt phương án sử dụng đất, xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị các quyền sở hữu trí tuệ bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử, phần vốn nhà nước,…) trong khi hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện; mục tiêu nhiệm vụ, cơ chế quản lý DNNN chưa rõ ràng; khó khăn trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược…. Mục tiêu về 1 triệu doanh nghiệp mặc dù có khả năng không hoàn thành nhưng đã đạt được tiến bộ đáng ghi nhận trong giai đoạn vừa qua[[4]](#footnote-5).

**2. Kết quả thực hiệnnhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn2016-2020**

a)Nhóm nhiệm vụ 1: Về ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng

*-Cơ cấu lại đầu tư công:*Các quy định, pháp luật về đầu tư công được sửa đổi, hoàn thiện nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020. Kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động đầu tư công được nâng cao,dần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản. Nguồn vốn đầu tư công tập trung đầu tư cho các dự án quan trọng quốc gia, các dự án hạ tầng thiết yếu, các công trình lớn có tính kết nối, lan tỏa, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu đầu tư chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư của nhà nước trong tổng vốn đầu tư xã hội xuống mức phù hợp[[5]](#footnote-6), tăng tỷ trọng nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước từ 38,9% năm 2016 lên 46% năm 2019; cải thiện dần hiệu quả đầu tư với chỉ số ICOR ước khoảng 6,1 giai đoạn 2016-2020, so với 6,3 giai đoạn 2011-2015.

*-Cơ cấu lạidoanh nghiệp nhà nước (DNNN):*Cơ cấu lại DNNN được đẩy mạnh và thực chất hơn. Cổ phần hóa, thoái vốn đã được đẩy mạnh so với giai đoạn trước[[6]](#footnote-7) và được thực hiện một cách công khai, minh bạch, theo cơ chế thị trường, từ đó số lượng DNNN được thu gọn, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt.Mô hình quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước và vốn, tài sản Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp dần được hoàn thiện.Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thành lập nhằm từng bước tách bạch chức năng quản lý nhà nước và đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước. Tổng giá trị vốn chủ sở hữu nhà nước được bảo toàn và phát triển, tỷ lệ DNNN có lãi tăng, một số DNNN yếu kém đã trở lại hoạt động[[7]](#footnote-8).

*-Cơ cấu lại các TCTD:*Các mục tiêu cơ cấu lại các tổ chức tín dụng đã cơ bản hoàn thành. Đến nay, các ngân hàng cơ bản đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định áp dụng tiêu chuẩn Basel II tại Việt Nam[[8]](#footnote-9).Tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các tổ chức tín dụng đã được xử lý một bước, tình trạng thao túng, chi phối ngân hàng cơ bản được kiểm soát. Hệ thống các TCTD đã được củng cố một bước, nâng cao hơn năng lực quản trị;xử lý nợ xấu tại các TCTDđã được đẩy nhanh thực hiện một cách thực chất, hiệu quả hơn[[9]](#footnote-10);lãi suất cho vay trung bình giảm[[10]](#footnote-11), dòng vốn tín dụng chuyển dịch nhiều hơn vào các ngành sản xuất.

b)Nhóm nhiệm vụ 2: Cơ cấu lại ngân sách nhà nước, khu vực công

*- Cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN):*Cơ cấu lại NSNN đã đạt được những thay đổi tích cực về quy mô[[11]](#footnote-12)và cơ cấu thu, chi ngân sách. Cơ cấu thu bền vững hơn, tăng tỷ trọng thu nội địa[[12]](#footnote-13). Giảm tỷ trọng chi thường xuyên và tăng tỷ trọng chi đầu tư[[13]](#footnote-14). Bội chi ngân sách và tỷ trọng nợ công trên GDP giảm dần qua các năm, bảo đảm an toàn nợ công, giảm áp lực trả nợ lên NSNN và đảm bảo an toàn tài chính quốc gia.

*- Cơ cấu lại khu vực công:* Khu vực công đã được cơ cấu lại theo hướng tinh gọn,thúc đẩy ứng dụng tiến bộ công nghệ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức, bộ máy được sắp xếp lại gọn hơn, phù hợp hơn. Dịch vụ công đã được cải thiện đáng kể cả về loại hình, số lượng và chất lượng dịch vụ.Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung ứng các dịch vụ hành chính và sự nghiệp công.Cơ chế chính sách đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã được đổi mới theo hướng phát huy tốt hơn tính chủ động sáng tạo, phát triển bền vững và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

c)Nhóm nhiệm vụ 3: Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài

* *Phát triển khu vực kinh tế tư nhân:*Giai đoạn 2016 - 2020, chính sách phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục được hoàn thiện, thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh bất hợp lý gây cản trở được rà soát, cắt bỏ, môi trường kinh doanh được cải thiện. Hệ sinh thái khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo được chú trọng xây dựng. Kết quả giai đoạn 2016-2020, số doanh nghiệp thành lập mới liên tiếp đạt kỷ lục cả về số lượng và số vốn đăng ký. Xu hướng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo diễn ra sôi động. Đã xuất hiện các doanh nghiệp tư nhân tiên phong trong đổi mới, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh quốc tế.

*-Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài:*Nghị quyết số 24 đặt ra nhiệm vụ thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, chú trọng thu hút các công ty đa quốc gia lớn, lan tỏa hiệu quả tới khu vực kinh tế trong nước và bảo vệ môi trường. Giai đoạn 2016-2020, chủ trương này đã dần được hiện thực hóa. Một số tập đoàn lớn, mạnh về công nghệ đã lựa chọn đầu tư ở Việt Nam. Giai đoạn 2016-2020, vốn FDI đăng ký ước đạt 173-174 tỷ USD, tăng 74%-79% so với giai đoạn 2011-2015. Cơ cấu thu hút FDI được điều chỉnh hợp lý hơn, với tỷ trọng thu hút phát triển công nghiệp ngày càng tăng, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành thu hút đầu tư FDI lớn nhất trong các ngành kinh tế.

d)Nhóm nhiệm vụ 4:Hiện đại hóa công tác quy hoạch, cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế

*- Hiện đại hóa công tác quy hoạch, cơ cấu lại vùng kinh tế*: Hệ thống pháp luật về quy hoạch được hoàn thiện đã làm thay đổi tư duy trong quá trình tiếp cận và triển khai lập quy hoạch, khắc phục tình trạng quản lý chia cắt, cục bộ, thúc đẩy liên kết, ngành, địa phương, phát huy vai trò của vùng. Thể chế vượt trội cho các vùng kinh tế động lực đã được hình thành thông qua việc xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ)[[14]](#footnote-15). Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và xây dựng đô thị thông minh được triển khai thực hiện giúp quản lý đô thị hiệu quả hơn qua đó nâng cao vai trò của các đô thị lớn, các đầu tàu kinh tế của cả nước trong cơ cấu lại nền kinh tế.[[15]](#footnote-16)

*-Cơ cấu lại ngành công nghiệp:*Cơ cấu ngành công nghiệp đã dịch chuyển theo hướng tích cực, tăng tỷ trọngcác ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP từ 14,3% năm 2016 lên ước khoảng 16,9% năm 2020, có sự dịch chuyển sang các ngành thâm dụng công nghệ. Một số ngành công nghiệp mũi nhọn đã có tốc độ phát triển đột phá:ngành điện tử đã trở thành ngành công nghiệp lớn, chiếm 26,8% trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp và là ngành xuất khẩu lớn nhất; ngành công nghiệp thực phẩm lớn thứ hai với tỷ trọng khoảng 13,2%; ngành công nghiệp dệt may đứng thứ ba với tỷ trọng khoảng 8,5%. Công nghiệp CNTT có tốc độ tăng trưởng cao.

*-Cơ cấu lại ngành nông nghiệp:*Sản xuất nông nghiệp có sự chuyển hướng tập trung vào những ngành có giá trị gia tăng cao hơn và có thị trường xuất khẩu đa dạng hơn.Nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao xuất hiện, đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp gia tăng, bao gồm đầu tư của các tập đoàn doanh nghiệp lớn, phát triển liên kết theo chuỗi giá trị.Xây dựng nông thôn mới có tiến bộ, bước đầu tạo được những bước chuyển biến tích cực bộ mặt của nông thôn. Khoa học công nghệ được ứng dụng rộng rãi hơn. Đóng góp của khoa học và công nghệ là trên 30% giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp.

* *Cơ cấu lại ngành dịch vụ:* Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ nhìn chung cao hơn so với tốc độ tăng trưởng chung (ngoại trừ năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19)[[16]](#footnote-17). Cơ cấu lại khu vực dịch vụ được thúc đẩytheo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa, hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như dịch vụ y tế, bảo hiểm. Một số ngành có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng,... được tập trung phát triển. Ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại, như thương mại và thanh toán điện tử; ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến, các loại hình vận tải mới[[17]](#footnote-18),.. Phát triển du lịch được tập trung theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ.

đ)Nhiệm vụ 5: Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường

*- Phát triển thị trường tài chính:*Quy mô và cơ cấu thị trường tài chính có sự điều chỉnh hợp lý hơn giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, thị trường vốn cổ phiếu và trái phiếu, thị trường trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, giữa dịch vụ tín dụng và các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng.

*-Phát triển thị trường quyền sử dụng đất:*Thể chế phát triển thị trường quyền sử dụng đất đã từng bước được hoàn thiện,huy động được nguồn vốn cho phát triển kinh tế-xã hội và hoạt động bền vững hơn. Công tác quản lý đất đai đã có nhiều chuyển biến.

*-Phát triển thị trường lao động:*Thể chế và cơ cấu thị trường lao động đã có một số tiến bộ.Các giải pháp phát triển thị trường lao động được chú trọng thực hiện; tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, khớp nối cung cầu lao động trên thị trường; tăng cường cập nhật hệ thống thông tin thị trường lao động. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp đang được rà soát, sắp xếp và có nhiều chuyển biến quan trọng. Chất lượng việc làm dần được cải thiện, lao động làm việc trong khu vực phi chính thức dần dịch chuyển sang khu vực chính thức.

*-Phát triển thị trường khoa học và công nghệ:* Nghị quyết và các văn bản liên quan đã đề ra mục tiêu về tăng tỷ trọng doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ xây dựng các giải pháp tăng giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ và số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ. Đến nay, đã có khoảng 30% doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo, đạt mục tiêu đề ra; số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ gia tăng. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đã được hình thành và đang phát triển nhanh.

**3. Đánh giá chung kết quả thực hiện Kế hoạch hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020**

Nghị quyết 24 đã được triển khai quyết liệt, mang lại những kết quả thực chất hơn. Một số kết quả nổi bật như sau:

* Có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về tư duy và hành động trong công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện chương trình cơ cấu lại nền kinh tế. Một mặt làm thay đổi nhận thức của các cấp, các ngành trong thực hiện chương trình cơ cấu lại nền kinh tế, mặt khác đã truyền cảm hứng, tạo lòng tin cho thị trường. Vì vậy, chương trình cơ cấu lại nền kinh tế đi vào thực chất hơn, tạo chuyển biến tích cực. (i) Tập trung nhiều chính sách, giải pháp cụ thể thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Đây là hai lĩnh vực có nhiều tiềm năng, nhờ đó đã tạo thêm động lực cho tăng trưởng; (ii) Hành động quyết liệt đi liền với giám sát chặt chẽ cải cách thủ tục hành chính (cắt giảm điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành) - một trong những nút thắt lớn của nền kinh tế qua đó cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.
* Cân đối kinh tế vĩ mô và kết cấu nền kinh tế được củng cố vững chắc hơn (lạm phát được kiểm soát; tỷ lệ nợ công và áp lực trả nợ hàng năm giảm; hạ tầng tài chính được củng cố, lòng tin thị trường được tăng cường, hệ số tín nhiệm quốc gia tăng) qua đó tạo tiền đề để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn. Cải thiện khả năng chống chịu và ứng phó của nền kinh tế với các cú sốc bên ngoài; đồng thời, tạo thêm dư địa để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội.
* Thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng. Cách thức và chất lượng tăng trưởng liên tiếp được cải thiện. Hiệu quả đầu tư tăng; NSLĐ xã hội tăng. Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tăng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng khu vực kinh tế tư nhân tăng nhanh hơn và cải thiện tỷ trọng đóng góp vào GDP,…

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, việc triển khai kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Mô hình tăng trưởng có thay đổi nhưng chưa rõ nét. Tốc độ tăng NSLĐ còn thấp, nhất là NSLĐ nội ngành; tăng NSLĐ thời gian qua chủ yếu do tăng cường độ vốn, đóng góp của tiến bộ khoa học công nghệ vào tăng trưởng NSLĐ còn thấp. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu chuyển biến chậm.

- Khu vực tư nhân trong nước phát triển chưa tương xứng với quy mô và độ mở của nền kinh tế. Mức độ phụ thuộc vào khu vực kinh tế nước ngoài chưa giảm. Chuyển biến cơ cấu nội ngành chưa rõ nét và bền vững. Công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn chủ yếu đang hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị, nơi tạo ra giá trị gia tăng thấp[[18]](#footnote-19). Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp trong nước dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp, còn phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu, linh phụ kiện nhập khẩu[[19]](#footnote-20). Khu vực dịch vụ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

- Cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước chậm; hiệu quả sản xuất kinh doanh của khu vực DNNN chậm được cải thiện. Hiệu quả đầu tư công chưa cao, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm và nhiều vướng mắc. Tiến độ, chất lượng xử lý nợ xấu, các TCTD yếu kém chưa theo kịp yêu cầu của nền kinh tế.

Những tồn tại, hạn chế kể trên do nhiều nguyên nhân khác nhau, gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó, đặc biệt lưu ý các nguyên nhân về tổ chức thực hiện và thể chế:

(1) Định hướng ưu tiên về cơ cấu lại nền kinh tế chưa được quán triệt xuyên suốt và nhất quán trong chỉ đạo, điều hành ở các Bộ, ngành và địa phương. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan trong thực hiện một số nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, dẫn đến một số nhiệm vụ có tính chất liên ngành, đa lĩnh vực còn gặp nhiều khó khăn khi cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan.

(2) Những tồn tại, bất cập trong nhiều quy định hiện hành đang kìm hãm việc thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế. Trong đó, đặc biệt thể chế thị trường các yếu tố sản xuất chậm phát triển, chưa là cơ chế chính trong phân bổ nguồn lực để đạt được hiệu quả cao nhất. Các cải cách thể chế và thực hiện các chương trình cơ cấu lại nền kinh tế chưa được tiến hành một cách nhất quán, toàn diện, đủ rộng và đủ mạnh để chuyển sang kinh tế thị trường đầy đủ và hiện đại, từng bước hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý và năng động hơn.

**4. Về định hướng tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025**

Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 cần tiếp tục thực hiện nhằm hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2016-2020 đồng thời bổ sung các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế với bước đi phù hợp trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Theo đó, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 cần được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc và quan điểm sau đây:

* Phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ về quan điểm, định hướng và mục tiêu của chiến lược phát triển quốc gia thời kỳ 2021-2030; phù hợp với định hướng phát triển của ngành và lãnh thổ được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.
* Tập trung nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực thông qua phát triển đồng bộ các loại thị trường kết hợp với tận dụng khai thác cơ hội của công nghệ số. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, tích lũy năng lực công nghệ; đồng thời tạo đột phá ở một số lĩnh vực có tiềm năng như công nghệ số.
* Xác định rõ ràng hơn các trọng tâm, trọng điểm cơ cấu lại nền kinh tế theo ngành, vùng, nhóm địa phương để tận dụng được lợi thế và tập trung nguồn lực, tạo ra những kết quả rõ nét hơn.
* Khắc phục cơ cấu nền kinh tế chia cắt, cát cứ, thiếu kết nối, thiếu bổ sung hợp lý giữa các thành phần, các địa bàn kinh tế; tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và chủ động dần nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị.
* Nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, tăng cường khả năng chống chịu với những cú sốc bên ngoài.

**5. Kiến nghị**

Căn cứ vào kết quả đánh giá thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, những phân tích về bối cảnh quốc tế, trong nước và các định hướng cho giai đoạn 2021-2025 như trên, Chính phủ kiến nghị Quốc hội giao Chính phủ:

*Một là,* tiếp tục triển khai các nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhất các mục tiêu và nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế cho giai đoạn 2016-2020 trong những tháng cuối năm 2020 và cập nhật, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn 2021-2025.

*Hai là,* thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế với bước đi phù hợp song song với các nỗ lực phòng, chống dịch và thúc đẩy phục hồi kinh tế trong bối cảnh đại dịch.

*Ba là,* xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng cho giai đoạn 2021-2025 trình Quốc hội trong kỳ họp tiếp theo.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, Chính phủ kính trình Quốc hội./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- TTg và các PTTg;- Văn phòng Quốc hội (05 bản);- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Lưu: VT, KTTH. | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG****BỘ TRƯỞNG****BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****(Đã ký)****Nguyễn Chí Dũng** |

1. Cụ thể: (i) Quy mô nợ công giảm mạnh, từ mức 63,7% GDP cuối năm 2016 xuống khoảng 55% GDP cuối năm 2019. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nợ công có thể tăng đến 57-58% GDP, song vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra cho giai đoạn 2016-2020 là không quá 65% GDP. (ii) Quy mô nợ chính phủ đã giảm mạnh từ 52,7% năm 2016 xuống 48% GDP đến cuối năm 2019, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu không quá 54%. (iii) Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm mạnh từ 44% năm 2015 xuống 41,6% năm 2016, và ước năm 2020 còn 34%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu dưới 40%. (iv) Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 45,21%, vượt xa so với mục tiêu 30%-35% được đề ra trong Nghị quyết. (v) Dư nợ thị trường trái phiếu đến năm 2019 đạt 40,14% vượt xa so với mục tiêu đến năm 2020 đạt 30% GDP. [↑](#footnote-ref-2)
2. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2020, giảm dần tỷ lệ bội chi NSNN, đến năm 2020 xuống dưới 3,5% GDP và giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng xuống mức dưới 3%. Tỷ lệ bội chi NSNN bình quân năm giai đoạn 2016-2019 là 3,5% GDP (so với mức 5,4% giai đoạn 2011-2015), dự toán năm 2020 là 3,4% GDP. Tuy nhiên, do tác động của đại dịch Covid-19 nên khả năng khó có thể đạt được mục tiêu như dự toán do thu ngân sách nhà nước có thể giảm trong khi đó chi ngân sách nhà nước tăng do phải hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các TCTD giảm từ mức 2,46% cuối năm 2016 xuống 1,63% cuối năm 2019, khoảng 1,92% tạm tính đến cuối tháng 7/2020. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 tác động nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đình trệ sản xuất và sự sụt giảm nhu cầu hàng hóa và dịch vụ, dẫn đến tình trạng nợ xấu có thể gia tăng, do đó mục tiêu có thể không đạt được. [↑](#footnote-ref-3)
3. Như trong Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025. [↑](#footnote-ref-4)
4. Tốc độ tăng trưởng trong thành lập doanh nghiệp mới giai đoạn 2016-2020 đạt mức kỷ lục so với những giai đoạn trước, trung bình mỗi năm có gần 130 nghìn doanh nghiệp thành lập mới. [↑](#footnote-ref-5)
5. Tỷ trọng này giảm dần từ 40,4% năm 2013 xuống 37,5% năm 2016, còn 33,3% năm 2018 nhưng dự kiến tăng cao trong năm 2020 để đảm bảo sự can thiệp hợp lý của nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế bị tác động nặng nền bởi đại dịch. [↑](#footnote-ref-6)
6. Lũy kế giai đoạn 2016 - tháng 8/2020, đã có 177 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, với tổng giá trị là 443.503 tỷ đồng, (giá trị vốn nhà nước là 207.116 tỷ đồng); thoái 25.669 tỷ đồng, thu về 172.917 tỷ đồng (gấp 6,8 lần giá trị sổ sách). Tổng số tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn từ năm 2016 đến 8/2020 đạt khoảng 211.500 tỷ đồng, gấp 2,7 lần tổng số thu từ cổ phần hóa, thoái vốn của cả giai đoạn 2011-2015 (khoảng 78.000 tỷ). [↑](#footnote-ref-7)
7. So sánh giai đoạn cơ cấu lại DNNN 2016-2019 với giai đoạn cơ cấu lại DNNN 2011-2015, tổng giá trị tài sản tăng 149%, trang bị tài sản cho người lao động tăng 189%, doanh thu thuần tăng 110%, lợi nhuận trước thuế tăng 114%. Số lượng DNNN có lãi tăng từ 80,2% lên 81,2%. [↑](#footnote-ref-8)
8. Đến nay, 77 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, trong đó 18 TCTD đã được NHNN chấp thuận áp dụng trước thời hạn; chỉ còn một số TCTD đề nghị được áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN. [↑](#footnote-ref-9)
9. Giai đoạn từ 2016 đến thời điểm 31/7/2020, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 620,7 nghìn tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-10)
10. Từ năm 2017 đến nay NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5-2%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,8-1,25%/năm trần lãi suất huy động các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 2%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 5%/năm). Trong đó những tháng đầu năm 2020, để hỗ trợ nền kinh tế đối phó với dịch Covid-19, NHNN điều chỉnh giảm lãi suất 02 lần liên tiếp (ngày 17/3 và 13/5/2020) với quy mô cắt giảm tương đối mạnh trong nhiều năm trở lại đây. Theo số liệu của IMF, lãi suất cho vay của Việt Nam chỉ cao hơn khoảng 1-2%/năm so với các nước phát triển nhất ASEAN (có khác biệt lớn về vĩ mô, cấu trúc thị trường tài chính), nếu so với các nước có trình độ phát triển tương đồng như Indonesia (9,41%), Myanmar (14,5%), Bangladesh (7,79%) và Ấn Độ (9,05%) thì lãi suất Việt Nam chỉ ở mức trung bình. [↑](#footnote-ref-11)
11. Thu NSNN bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 24,5%GDP (giai đoạn 2011-2015 là 23,6%GDP) [↑](#footnote-ref-12)
12. Tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN bình quân giai đoạn 2016-2019 khoảng 81,6%, đến năm 2020 dự kiến đạt trên 84% (giai đoạn 2011-2015 là 68,7%). [↑](#footnote-ref-13)
13. Tỷ trọng dự toán chi đầu tư phát triển tăng từ mức 20,02% năm 2016 lên 26,9% năm 2020, tỷ trọng chi ĐTPT thực hiện đạt 27-28% tổng chi NSNN. [↑](#footnote-ref-14)
14. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2019 về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng KTTĐ phía Nam; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2019 về đẩy mạnh Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng biến đổi khí hậu; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng KTTĐ Bắc Bộ; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2019 về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng Miền Trung). Quyết định số 825/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Điều phối Vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020 - 2025. [↑](#footnote-ref-15)
15. Tổ chức bộ máy chính quyền đô thị được xây dựng thí điểm cho Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng. Thủ tướng đã ban hành Quyết định 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018 phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững tại Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025. Đã có hơn 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt đề án xây dựng đô thị thông minh, như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh, Cần Thơ, Bắc Ninh, Hải Phòng, … [↑](#footnote-ref-16)
16. Tốc độ tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 2016-2020 (đến 6 tháng đầu năm 2020) đạt khoảng 6,18% (so với toàn nền kinh tế là 5,77%) 6 tháng đầu năm, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ chỉ đạt 0,57% (tốc độ tăng trưởng toàn nền kinh tế là 1,81%). [↑](#footnote-ref-17)
17. Như thí điểm taxi công nghệ (Grab, Fastgo...). [↑](#footnote-ref-18)
18. Ví dụ, ngành dệt may hiện chủ yếu tham gia vào các khâu gia công (CMT) chiếm đến 60% và chỉ khoảng 5% xuất khẩu theo phương thức ODM (thiết kế trên ý tưởng có sẵn, sản xuất). Ngành điện tử hiện nay là ngành tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu, tuy nhiên, ngành điện tử Việt Nam (bao gồm cả các doanh nghiệp FDI) hiện đang đứng ở vị trí thấp nhất trong chuỗi giá trị là công đoạn lắp ráp và gia công sản phẩm. [↑](#footnote-ref-19)
19. Các ngành công nghiệp chủ đạo như dệt may, da giày, điện tử Việt Nam nhập khẩu hơn 90% nguyên liệu đồng thờiphụ thuộc quá lớn vào một số thị trường như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan. [↑](#footnote-ref-20)